



Hoạt động giáo dục theo chủ đề

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Phân biệt được cách ứng xử giữa người thân và người quen. Nhận diện được các tình huống có nguy cơ bị bắt cóc, biết cảnh giác với người lạ để phòng tránh bị bắt cóc; rèn luyện kĩ năng quan sát, kĩ năng phân tích, kĩ năng ra quyết định.

KHÔNG GIAN SỰ PHẠM

Trong lớp học, bàn ghế kê thành dãy.

PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG:

- Lều cắm trại hoặc mảnh vải, tấm chăn tối màu (1,5m x 2m) ; bìa màu các loại đánh số; bìa màu A4; bìa tam giác hoặc chuông thật đủ cho mỗi tổ / nhóm.
- Thẻ chữ: NGƯỜI QUEN, NGƯỜI THÂN.

GỢI Ý CÁC BƯỚC HOẠT ĐỘNG

1. KHỞI ĐỘNG

1 Chơi trò *Người quen – Người lạ.*

Bản chất: Trò chơi vui nhấn mạnh việc để ý đến những người lạ xung quanh mình. Lưu ý không đi cùng người lạ.

Tổ chức hoạt động:

- GV mời mỗi tổ một thành viên đóng vai “vị khách bí mật” được chui vào tấm lều du lịch đã dựng sẵn hoặc căng tấm vải dài sao cho che được hết đại diện mỗi tổ. Mỗi đại diện sẽ được cắm một tấm bìa màu khác nhau hoặc đánh số không trùng với số tổ của mình. Các thành viên còn lại của tổ có 2 phút để thảo luận và cử một người đưa ra lần lượt

2 – 3 câu hỏi cho những “vị khách bí mật” và lắng nghe câu trả lời để tìm ra đâu là “người quen” và đâu là “người lạ”.

– GV có thể gợi ý cho HS một số câu hỏi:

- + “Bạn thích màu gì?”
- + “Hôm qua, tổ chức mình cùng làm việc gì?”
- + “Tên nhân vật hoạt hình bạn thích nhất?”
- + “Đồ chơi bạn yêu quý là gì?”...

Kết luận: GV dẫn dắt vào chủ đề: Làm thế nào để nhận ra được đúng thành viên của tổ mình? Vừa lắng nghe giọng nói, vừa biết đặt câu hỏi và lắng nghe câu trả lời như vậy chúng ta sẽ phân biệt được người quen – người thân – người lạ.

2. KHÁM PHÁ CHỦ ĐỀ:

2 Xử lý tình huống có nguy cơ bị bắt cóc.

Bản chất: Thông qua trò chơi đưa ra các tình huống giúp HS nhận diện được nguy cơ bắt cóc, cảnh giác với người lạ để phòng bị bắt cóc.

Tổ chức hoạt động:

- GV cho mỗi tổ ngồi chụm lại theo nhóm, phát cho mỗi tổ một chiếc chuông nhỏ (hoặc dùng bìa tam giác màu vàng, mỗi tổ tự vẽ chiếc chuông vào bìa vàng của tổ mình). GV lần lượt đưa ra các tình huống để HS lựa chọn rung chuông hay không rung chuông.
 - + Có người lạ nhìn mình liên tục khiến mình cảm thấy sợ (khó chịu, lo lắng);
 - + Người cầm hộp quà / món đồ chơi người máy hay búp bê trên tay và gọi em lại gần để cho quà;
 - + Một người lạ tươi cười hỏi rất nhiều thông tin về em;
 - + Người ấy gọi riêng em ra một nơi khác, vắng vẻ để nói chuyện;
- Trong quá trình GV đưa ra tình huống, GV trò chuyện với HS lí do vì sao lại chọn rung chuông? Có điều gì có thể xảy ra nếu không biết tự “Rung chuông báo động”? *Bị bắt cóc, bị đưa đi xa không gặp bố mẹ, không được về nhà...*
- GV đọc cho HS nghe một lần và sau đó mời HS cùng đọc với mình:

“Người quen dù tốt bụng,
Vẫn không phải người thân!
Người lạ nhìn và gọi,
– Rung chuông, đừng phân vân”

Kết luận: Tiếng chuông báo động sẽ phát ra từ trong chính suy nghĩ bởi sự cảnh giác khi gặp người lạ khiến mình lo sợ. Khi “nghe” thấy tiếng chuông ấy nghĩa là em đã biết cách tự bảo vệ mình và hãy nhanh chóng tìm kiếm sự trợ giúp từ những người lớn đáng tin cậy.

3. MỞ RỘNG VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ:

Thảo luận về cách phân biệt người quen, người thân.

Bản chất: HS nhận diện và biết cách ứng xử với người thân – người quen bằng cách quan sát, lắng nghe và nói từ chối lịch sự.

Tổ chức hoạt động.

GV cùng HS thảo luận về đặc điểm của một số người thân thông qua các câu hỏi:

- Ông (bà) nội / ông (bà) ngoại của em có vẻ ngoài thế nào? (cao hay thấp, màu của mái tóc, quần áo bà hay mặc,...).
- Giọng nói của bác / chú / dì có điều gì đặc biệt? (hăng giọng trước khi nói, giọng trầm hay giọng cao, ...).
- Để nhận ra NGƯỜI THÂN (*thẻ chữ*) rất dễ nếu biết chú ý quan sát, lắng nghe và tìm ra những điều đặc biệt của họ. GV đưa ra tình huống để cùng HS thảo luận:
 - + Khi em ở nhà một mình, bác hàng xóm rất thân muốn vào chơi, em có nên mở cửa không?
 - + Tháng nào cô cũng đến và bố mẹ luôn nhờ em ra gửi tiền điện cho cô, cô gọi cửa em có mở cửa không? Tại sao?
 - + Hôm nay bố mẹ đón muộn, cô bạn của mẹ muốn đưa em về, em có đi cùng cô ấy không? Vì sao?

Kết luận:

- Bác hàng xóm, bạn của bố mẹ hay cô thu tiền điện, bác bán nước đầu ngõ đều là những người quen em hay gặp, có thể họ rất yêu quý em nhưng hãy nhớ đó là những NGƯỜI QUEN (*thẻ chữ*) không phải NGƯỜI THÂN vì vậy hãy nói từ chối thật lịch sự khi ở một mình, chưa được sự đồng ý của bố mẹ nhé!
- GV phát cho mỗi HS một tờ bìa màu A4, đề nghị HS đặt bàn tay mình lên tờ bìa và vẽ viền bàn tay ấy. Sau đó, HS cắt bàn tay đã vẽ ra và ghi lên mỗi ngón tay tên của một người thân nhất sẽ trợ giúp khi em cần.
- GV đề nghị HS cùng thảo luận với bố mẹ và nghĩ ra một câu nói độc đáo làm mặt khẩu để cả nhà luôn nhận ra nhau.



Sinh hoạt lớp

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

HS có thêm ý thức tự cảnh giác trước tình huống có nguy cơ bắt cóc và mạnh dạn nói lời từ chối lịch sự.

KHÔNG GIAN SƯ PHẠM

Trong lớp học. Bàn ghế kê sát tường hình chữ U để lấy không gian hoạt động.

PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG

Mũ nhân vật sói, 8 – 10 mũ nhân vật cừu, chuông.

GỢI Ý CÁC BƯỚC HOẠT ĐỘNG

1. HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT TUẦN

GV tổng kết các hoạt động trong tuần và dự kiến hoạt động tuần sau.

2. CHIA SẺ THU HOẠCH SAU TRẢI NGHIỆM LẦN TRƯỚC

HS chia sẻ với bạn về 5 ngón tay “người thân” của mình.

3. HOẠT ĐỘNG NHÓM

Diễn tiểu phẩm Sói và cừu.

Bản chất: HS tự tin tham gia diễn kịch và mạnh dạn xử lý một số tình huống có nguy cơ bất cóc.

Tổ chức hoạt động:

GV mời 8 – 10 HS đóng vai cừu, chọn 1 bạn vào vai cừu nhỏ. 10 – 12 bạn đóng vai làm hàng rào nắm tay nhau bao quanh đàn cừu. Các HS còn lại ngồi ở dưới sẽ đóng vai làm những chiếc chuông, kêu “Reng reng” khi cần thiết.

Lúc đầu GV vào vai sói và dẫn dắt câu chuyện:

Một ngày, bầy cừu đang nhẩn nha ăn cỏ trên đồi. Bỗng, một con sói nấp sau một bụi cây phía xa xa, lén nhìn chú cừu nhỏ, lông trắng muốt. Chú cừu nhỏ phát hiện có người lạ nhìn thấy mình. (GV đặt câu hỏi cho cừu nhỏ: Cừu nhỏ cảm thấy thế nào? Cừu nhỏ cần làm gì?,...)

GV lần lượt đưa ra các tình huống để sói đến gần hơn với cừu:

Sói ta từ từ tới gần hàng rào, nói ngon ngọt: “Cừu nhỏ ơi, lại đây, ta mời đến ngọn đồi xinh đẹp này. Cừu nhỏ đưa ta đi tham quan được không?”

Ta sẽ không làm gì cừu nhỏ đâu, hãy đến đây, ta có một túm cỏ non tặng cừu này.

Ta đã đi qua bao ngọn đồi, cỏ ở đó non và xanh hơn ở đây! Ta sẽ đưa cừu nhỏ đến đó.

GV khuyến khích HS đưa ra phương án của mình, khi nào “tiếng chuông báo động” sẽ rung lên?

Khi cừu nhỏ thấy nguy hiểm, bạn trong vai cừu phát tay, các HS ở dưới kêu “Reng reng, reng reng”.

Kết luận: Những người xấu có rất nhiều cách khác nhau để dụ dỗ chúng ta đi cùng họ. Vì vậy, chúng ta cần cảnh giác.

4. CAM KẾT HÀNH ĐỘNG (Hoạt động sau giờ học)


GV đề nghị HS học thuộc số điện thoại của 1 – 2 người thân và địa chỉ của nhà mình.





Tự đánh giá sau chủ đề TỰ CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ BẢN THÂN


- Thực hiện những việc làm cần thiết để tự chăm sóc sức khoẻ bản thân.
- Nhớ và thực hiện được những cách phòng tránh bị lạc và biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị lạc.
- Thực hiện cách ứng xử với người lạ để tránh bị bắt cóc.

- GV hướng dẫn HS vẽ hình Cây trái nghiệm vào vở hoặc tờ giấy thu hoạch. HS đọc các mục ghi trong phần Tự đánh giá sau chủ đề; tự vẽ hoặc cắt dán bông hoa vào Cây trái nghiệm.

Chưa hoàn thành: 
(Biết cách làm
nhưng chưa làm được)

Hoàn thành:  

Hoàn thành tốt:   

- Nếu HS tự làm được một sản phẩm, GV hướng dẫn các em vẽ hoặc cắt dán một  vào Cây trái nghiệm. Trên chiếc lá, HS ghi kết quả làm ra sản phẩm (Ví dụ: Làm bàn tay thông tin).

- HS có thể sử dụng
Cây trái nghiệm
trong *Vở bài tập*
Hoạt động
trải nghiệm 2.

